

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2021/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Trần Vinh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 15/2021/QĐ-TA ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu thứ nhất: Anh **Lê Đình T**, sinh ngày: 14/02/1984, HKTT: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt,

- Người yêu cầu thứ hai: Chị **Bùi Thị D**, sinh ngày: 10/6/1995, HKTT: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan, đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người được ủy quyền giao nhận tài liệu của anh Lê Đình T: Chị Lê Thị Thủy, địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Người được ủy quyền giao nhận tài liệu của chị Bùi Thị D: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1973, địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt;

+ Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng – Tiên, địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo yêu cầu giải quyết việc ly hôn của anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

Anh Lê Đình T, sinh ngày: 14/02/1984, hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và chị Bùi Thị D, sinh ngày: 10/6/1995, hộ khẩu

thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tình yêu và tự nguyện; thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Phú, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo Sổ đăng ký số 61/2010 quyển số 01/2013, ngày 30/5/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 01 người con là Lê Nhật T, sinh ngày: 04/12/2014. Một năm sau đó, chị D cùng con trai bỏ về nhà bố mẹ đẻ; anh T cũng đi làm việc xa nhà. Từ năm 2015, hai vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2017, chị D đi lao động tại Đài Loan. Từ đó, hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống riêng của bản thân.

Đến nay, hai vợ chồng cùng xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nhật T, sinh ngày: 04/12/2014. Hiện đang được chị Bùi Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai vợ chồng thống nhất giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian chị D lao động tại Đài Loan, thống nhất giao con chung cho bà Lê Thị S là mẹ đẻ chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng hai vợ chồng tự thỏa thuận là 1.800.000 đồng/01 tháng (tiền cấp dưỡng nuôi con được gửi cho bà Lê Thị S).

* Về tài sản chung: Hai vợ chồng có 01 thửa đất tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hai vợ chồng tự thỏa thuận giao lại thửa đất này cho con trai Lê Nhật T; giao chị Bùi Thị D quản lý tài sản trên đến khi con chung đủ tuổi quản lý tài sản theo quy định. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng.

* Về nợ chung: Vợ chồng có 02 khoản nợ chung là nợ Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng – Tiến số tiền 90 triệu đồng; nợ bà Lê Thị S (mẹ chị D) số tiền 80 triệu đồng. Hai vợ chồng thỏa thuận tiền nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng – Tiến anh T có trách nhiệm thanh toán; số tiền nợ bà S chị D có trách nhiệm thanh toán. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của hai vợ chồng.

- Bà Lê Thị S và Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng Tiến có văn bản đề nghị Tòa án không xem xét về các khoản nợ trên của hai vợ chồng, thống nhất với nội dung hai vợ chồng đã thỏa thuận.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 57, 59, 81, 82, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D thuận tình ly hôn; công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung giữa hai vợ chồng; về tài sản chung, nợ chung

đương sự đã thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận, các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến được trình bày bằng văn bản của anh Lê Đình T, ý kiến của chị Bùi Thị D, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Hội đồng giải quyết việc dân sự nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Lê Đình T, chị Bùi Thị D theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 1713/QLXNC-P5 ngày 19/01/2021 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện “Chị Bùi Thị D xuất cảnh ngày 12/6/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, chị Bùi Thị D đã trực tiếp gọi điện thoại trình bày ý kiến thể hiện hoàn toàn đồng ý với nội dung anh T yêu cầu và không có tranh chấp, việc chị D không gửi được tài liệu về Việt Nam là bất khả kháng do dịch Covid-19 bùng phát. Đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bà Lê Thị S, sinh năm: 1973, địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (là mẹ đẻ của chị Bùi Thị D). Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài.

[1.4] Anh Lê Đình T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 03/2021/TB-TA ngày 06/01/2021 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 206, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau, đời sống hôn nhân hạnh phúc và có một con chung. Một năm sau đó, chị D đã cùng con trai bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T cũng đi làm việc xa nhà. Từ đó, hai vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2017, chị Bùi Thị D đi lao động tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] *Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....” (Điều 55).*

[2.1.4] Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh T, chị D như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D có 01 con chung là Lê Nhật T, sinh ngày: 04/12/2014. Hai vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Bùi Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhận thấy, mặc dù hiện nay chị D đang lao động tại Đài Loan, việc nuôi con chị ủy quyền cho bà Lê Thị S là mẹ đẻ. Tuy nhiên, trong thời gian bà S thay chị D chăm sóc con chung, con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, có môi trường học tập tốt. Anh T cũng làm việc xa nhà, không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận về việc giao người trực tiếp nuôi dưỡng con chung giữa hai vợ chồng. Giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc con chung và anh Lê Đình T cấp dưỡng nuôi con chung 1.800.000 đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi (tiền cấp dưỡng nuôi con được gửi cho bà Lê Thị S). Xét thấy sự thỏa thuận này là sự tự nguyện của hai vợ chồng, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung, nợ chung, cụ thể như sau:

[2.3.1] Về tài sản chung: Anh Lê Đình T, chị Bùi Thị D có 01 thửa đất tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CD385413 cấp ngày 28/6/2016 của UBND huyện K cấp cho anh Lê Đình T). Hai vợ chồng tự thỏa thuận giao lại thửa đất này cho con trai Lê Nhật T; giao cho chị Bùi Thị D quản lý tài sản trên đến khi con Lê Nhật T đủ tuổi quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

[2.3.2] Về nợ chung: Vợ chồng có 02 khoản nợ chung là nợ Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng – Tiến số tiền 90 triệu đồng; nợ bà Lê Thị S (mẹ chị D) số tiền 80 triệu đồng. Hai vợ chồng thỏa thuận anh T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng – Tiến (nợ gốc: 90 triệu đồng, lãi suất theo quy định); chị D có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ bà S (số tiền 80 triệu đồng).

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 58, 59, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T, sinh ngày: 14/02/1984, hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và chị Bùi Thị D, sinh ngày: 10/6/1995, hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận việc nuôi con chung giữa anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D: Giao con chung là Lê Nhật T, sinh ngày: 04/12/2014 cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị D lao động tại Đài Loan, giao con chung cho bà Lê Thị S là mẹ đẻ chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D: Anh Lê Đình T cấp dưỡng nuôi con chung 1.800.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi (tiền cấp dưỡng nuôi con được gửi cho bà Lê Thị S).

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về chia tài sản chung giữa anh Lê Đình T và chị Bùi Thị D: Giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 57A, tờ bản đồ 26, địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh của UBND huyện K, Giấy CNQSD đất số CĐ 385413 cấp ngày 28/6/2016 mang tên anh Lê Đình T, cho con trai Lê Nhật T; giao cho chị Bùi Thị D quản lý tài sản trên đến khi con Lê Nhật T đủ tuổi quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của hai vợ chồng về nợ chung. Anh Lê Đình T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân Giang – Đồng – Tiên(nợ gốc: 90 triệu đồng, lãi suất theo quy định); chị Bùi Thị D có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ bà Lê Thị S (số tiền 80 triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận sự tự nguyện nộp số tiền án phí HNGĐST 300.000 đồng của anh Lê Đình T theo biên lai số 0000105 ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh Lê Đình T còn phải nộp số tiền 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Bích Đào

